CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ Y TẾ

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Y tế tỉnh Trà Vinh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 152 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-SYT ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Sở Y tế)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Trà Vinh, ngày 12 tháng 10 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Hữu Phước

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ Y TẾ

Số: 792/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 12 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-SYT ngày 18/4/2018 về việc thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Sở Y tế năm 2018;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Y tế tỉnh Trà Vinh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với 152 thủ tục hành chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 723/QĐ-SYT ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở, công chức, viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- GĐ, các PGĐ SYT;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Hữu Phước

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
152 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế được công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-SYT ngày 12/10/2018 của Giám đốc Sở Y tế)

	Tên lĩnh vực	Số QĐ ban hành	Đơn vị thực hiện	Số TT Quy trình
	I. Lĩnh vực Khám chữa bệnh			
1.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	P. HNYDTN	01 - QLHNYD
2.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề		nt	02 - QLHNYD
3.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.		nt	03 - QLHNYD
4.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh		nt	04 - QLHNYD
5.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh		nt	05 - QLHNYD
6.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh		nt	06 - QLHNYD
7.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập		nt	07 - QLHNYD
8.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	08 - QLHNYD
9.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	09 - QLHNYD

10.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	10 - QLHNYD
11.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	11 - QLHNYD
12.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	12 - QLHNYD
13.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	13 - QLHNYD
14.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	14 - QLHNYD
15.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	15 - QLHNYD
16.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	16 - QLHNYD
17.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	17 - QLHNYD
18.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	18 - QLHNYD
19.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	19 - QLHNYD
20.	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	20 - QLHNYD
21.	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	21 - QLHNYD
22.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	22 - QLHNYD
23.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	23 - QLHNYD
24.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	24 - QLHNYD

25.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	25 - QLHNYD
26.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	26 - QLHNYD
27.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	27 - QLHNYD
28.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	28 - QLHNYD
29.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền		nt	29 - QLHNYD
30.	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở KB, CB thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	Phòng NVY Sở Y tế	30 - NVY
31.	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở KB, CB thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		nt	31 - NVY
32.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		Phòng HNYDTN	32 - QLHNYD
33.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		nt	33 - QLHNYD
34.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo		nt	34 - QLHNYD
35.	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền		nt	35 - QLHNYD
36.	Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, dược tư thục trên địa bàn quản lý		nt	36 - QLHNYD

37.	Công nhận bệnh viện được khám và cấp giấy chứng nhận sức khỏe cho người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài đối với các bệnh viện thuộc tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.		nt	37 - QLHNYD
38.	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế		nt	38 - QLHNYD
39.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	39 - QLHNYD
40.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	40 - QLHNYD
41.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		nt	41 - QLHNYD
42.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		nt	42 - QLHNYD
43.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		nt	43 - QLHNYD
44.	Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế		nt	44 - QLHNYD
45.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		nt	45 - QLHNYD
46.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		nt	46 - QLHNYD
47.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm		nt	47 - QLHNYD
48.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ trong trường hợp Giấy phép hoạt động mất, hỏng, rách		nt	48 - QLHNYD
49.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		nt	49 - QLHNYD
50.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		nt	50 - QLHNYD
51.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư		nt	51 - QLHNYD

	số 29/2015/TT-BYT			
52.	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		nt	52 - QLHNYD
53.	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	53 - QLHNYD
54.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuốc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập		nt	54 - QLHNYD
55.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		nt	55 - QLHNYD
56.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		nt	56 - QLHNYD
57.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	57 - QLHNYD
58.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		nt	58 - QLHNYD
59.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	59 - QLHNYD
60.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	60 - QLHNYD
61.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp		nt	61 - QLHNYD
62.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả		nt	62 - QLHNYD
63.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà		nt	63 - QLHNYD
64.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc		nt	64 - QLHNYD
65.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh		nt	65 - QLHNYD
66.	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã		nt	66 - QLHNYD

67.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm		nt	67 - QLHNYD
68.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh		nt	68 - QLHNYD
69.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền		nt	69 - QLHNYD
70.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn		nt	70 - QLHNYD
71.	Đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	71 - QLHNYD
72.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016		Phòng HNYDTN Sở Y tế	72 - QLHNYD
73.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016		nt	73 - QLHNYD
74.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	74 - QLHNYD
75.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	75 - QLHNYD
76.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	76 - QLHNYD
77.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa		nt	77 - QLHNYD
78.	Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã		nt	78 - QLHNYD

79.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm		nt	79 - QLHNYD
80.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền		nt	80 - QLHNYD
81.	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	81 - QLHNYD
82.	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 07/6/2018	nt	82 - QLHNYD
II. Lĩnh vực Y tế dự phòng				
83.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 07/6/2018	Phòng HNYDTN Sở Y tế	83 - QLHNYD
84.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS		Phòng NVY	84 - NVY
85.	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		nt	85 - NVY
86.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ		nt	86 - NVY
87.	Công bố lại đối với cơ sở công bố điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng hình thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất		nt	87 - NVY
88.	Công bố lại đối với cơ sở công bố điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng hình thức điện tử khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự		nt	88 - NVY
89.	Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		nt	89 - NVD
90.	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ		nt	90 - NVD

91.	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng		P. HNYDTN	91 - QLHNYD
92.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng		nt	92 - QLHNYD
93.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		Phòng NVD	93 - NVD
94.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt công trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm		Phòng NVD	94 - NVD
95.	Công bố cơ sở y tế đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	95 - QLHNYD
96.	Công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	96 - QLHNYD
III. Lĩnh vực Giám định y khoa				
97.	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	Phòng Tổ chức CB Sở Y tế	97 - TCCB
98.	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế		Phòng Tổ chức CB Sở Y tế	98 - TCCB
IV. Lĩnh vực Tài chính y tế				
99.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	Tổ thẩm định	99 - TTĐ
100.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) ngoài công lập.		Tổ thẩm định	100 - TTĐ
V. Lĩnh vực trang thiết bị y tế				
101.	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 18/4/2017	P. HNYDTN	101 - QLHNYD
102.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A		P. HNYDTN	102 - QLHNYD
103.	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D		P. HNYDTN	103 - QLHNYD
VI. Lĩnh vực dược-mỹ phẩm				
104.	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 07/6/2018	P. NVD	104 - NVD
105.	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		P. HNYDTN nt	105 - QLHNYD
106.	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		nt	106 - QLHNYD
107.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc		nt	107 - QLHNYD

	theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc			
108.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		Phòng NVD	108 - QLHNYD
109.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		nt	109 - QLHNYD
110.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược		nt	110 - QLHNYD
111.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược		nt	111 - QLHNYD
112.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		P. NVD	112 - NVD
113.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực		nt	113 - QLHNYD
114.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc phóng xạ		nt	114 - QLHNYD
115.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)		P. NVD	115 - NVD
116.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động		P. HNYDTN	116 - QLHNYD

117.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		nt	117 - QLHNYD
118.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		nt	118 - QLHNYD
119.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		nt	119 - QLHNYD
120.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		nt	120 - QLHNYD
121.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		nt	121 - QLHNYD
122.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)		nt	122 - QLHNYD
123.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp CCHND bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp CCHND		nt	123 - QLHNYD
124.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ		nt	124 - QLHNYD
125.	Điều chỉnh công bố cơ sở tổ chức đào tạo, cập		nt	125 - QLHNYD

	nhật kiến thức chuyên môn về dược			
126.	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược		nt	126 - QLHNYD
127.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.		Phòng NVD	127 - NVD
128.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.		nt	128 - NVD
129.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		nt	129 - NVD
130.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu		Phòng HNYDTN	130 - QLHNYD
131.	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu		nt	131 - QLHNYD
132.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu		nt	132 - QLHNYD
133.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu		nt	133 - QLHNYD
134.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu		nt	134 - QLHNYD
135.	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu		nt	135 - QLHNYD
136.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu		nt	136 - QLHNYD
137.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu		nt	137 - QLHNYD
138.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo		nt	138 - QLHNYD
139.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT		nt	139 - QLHNYD
140.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		nt	140 - QLHNYD
141.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm		nt	141 - QLHNYD
142.	Đăng ký lần đầu, đăng ký lại và đăng ký gia hạn các thuốc dùng ngoài sản xuất trong nước quy định tại Phụ lục V – Thông tư 44/2014/TT-BYT		Phòng NVD	142 - NVD
143.	Đăng ký lại thuốc gia công (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V – Thông tư 22/2009/TT-BYT)		nt	143 - NVD

144.	Đăng ký thuốc gia công của thuốc chưa có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V – Thông tư 22/2009/TT-BYT)		nt	144 - NVD
145.	Đăng ký thuốc gia công của thuốc đã có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (thuốc thuộc danh mục thuốc sản xuất trong nước nộp hồ sơ đăng ký tại Sở Y tế địa phương quy định tại Phụ lục V – Thông tư 22/2009/TT-BYT)		nt	145 - NVD
146.	Trả lại Chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân đăng ký hành nghề dược trường hợp cơ sở kinh doanh đề nghị		P. HNYDTN	146 - QLHNYD
147.	Trả lại Chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân đăng ký hành nghề dược trường hợp cá nhân đơn phương đề nghị		nt	147 - QLHNYD
148.	Duy trì chứng nhận đạt Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)		nt	148 - QLHNYD
149.	Cấp giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).		nt	149 - QLHNYD
150.	Đánh giá việc Duy trì đáp ứng thực hiện tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc		Phòng NVD	150 - NVD
151.	Cấp giấy chứng nhận "Thực hành tốt phân phối thuốc" (GDP).		nt	151 - NVD
VII. Lĩnh vực Đào tạo				
152.	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở KCB thuộc Sở Y tế và cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 30/01/2018	P. Tổ chức cán bộ	152 - QLHNYD
	Tổng cộng: 152 TTHC			